

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Lâu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 05-6-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-7-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1991.

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn K, sinh năm 1985.

Đều trú tại: Bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:***

Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh K ko tin tưởng luôn nghi ngờ chị H ngoại tình dẫn đến cãi vã thường xuyên, mâu thuẫn kéo dài từ lâu không thể tháo gỡ, anh K luôn xỉ nhục chị H trong lời nói hàng ngày, xích mích với cả bố mẹ chị H, vì thế chị H không chịu đựng được nữa nên đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được nên đã thỏa thuận ly hôn từ tháng 8/2023, không ai

quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Quàng Văn K.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K có 02 con chung là cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017.

Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng Thị H và giao cháu Quàng TL cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai chị Lò Thị H trình bày: Chị H làm trồng trọt, lao động tự do ở huyện TC, tỉnh Sơn La, ở nhà bố mẹ đẻ tại bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La. Anh Quàng Văn K và nhà chồng không cho chị H thăm gặp con, không đồng ý cho chị H nuôi con, giấu con đi không cho chị H gặp, khi đến nhà nói cháu không ở nhà. Chị H đảm bảo đủ khả năng điều kiện nuôi con, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quàng Thị H.

***Trong bản tự khai và các chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn anh Quàng Văn K trình bày như sau:***

Anh Quàng Văn K và chị Lò Thị H kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chỉ có xích mích nhau vài câu chuyện lặt vặt. Đến ngày 18/7/2023, chị H bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ. Anh K xác định còn tình cảm vợ chồng nên anh không nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H.

Về con chung: Anh Quàng Văn K và chị Lò Thị H có 02 con chung là cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017. Hai cháu đang ở với anh Quàng Văn K.

Anh K đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng TL và cháu Quàng Thị H. Anh K không nhất trí chia con cho chị H nuôi dưỡng vì hai cháu còn nhỏ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K yêu cầu chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu với mức cấp dưỡng là 900.000đ/tháng (Chín trăm nghìn đồng mỗi tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu anh Quàng Văn K cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con nhưng anh K không cung cấp được cho Tòa án do anh K khai làm nghề nông, trồng trọt, thu nhập khoảng 900.000đ đến 1.000.000đ/tháng, không đủ khả năng nuôi hai con nên anh K yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 900.000đ/tháng/cháu, anh K đang ở nhà bố mẹ đẻ của mình tại bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị H cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc vợ chồng đã thỏa thuận ly hôn với sự có mặt của hai bên gia đình (Biên bản thỏa thuận ngày 04/8/2023) với nội dung: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K nhất trí ly hôn với nhau, thống nhất con cái đi bên bố hoặc mẹ đều có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 20/6/2024 xác định: Anh Quàng Văn K và chị Lò Thị H kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau tại bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Hiện tại anh K và chị H đã sống ly thân. Anh K và chị H có 02 con chung đang ở với anh Quàng Văn K.

Ý kiến của cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017 (Biên bản ghi ý kiến ngày 19/6/2024): Cháu Quàng Thị H có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn K.

Ý kiến của cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 (Biên bản ghi ý kiến ngày 20/6/2024): Cháu Quàng TL có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn K.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị H giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quàng Thị H và giao cháu Quàng TL cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu miễn án phí.

Anh Quàng Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh K giữ nguyên ý kiến không nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H. Anh K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Quàng Thị H với mức cấp dưỡng là 900.000đ/tháng (Chín trăm nghìn đồng mỗi tháng), không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho cháu Quàng TL.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn

ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn K.

Về con chung: Giao cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị H theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn K có địa chỉ nơi thường trú tại bản CV, xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị H, bị đơn anh Quàng Văn K vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị H và anh K là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh K chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn

gắn. Anh K và chị H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh Quàng Văn K. Anh Quàng Văn K vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị H và anh K không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn, chị H vẫn kiên quyết ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị H ly hôn với anh Quàng Văn K.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K có 02 con chung: Cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017. Hiện tại hai cháu đang ở với anh Quàng Văn K.

Chị Lò Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng Thị H và giao cháu Quàng TL cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Quàng Văn K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Ý kiến của cháu Quàng TL và cháu Quàng Thị H đều có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh K đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập nhất định trung bình tại địa phương. Ý kiến của cháu Quàng TL và cháu Quàng Thị H đều có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn K, tuy nhiên các cháu còn nhỏ, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt, duy trì cân bằng được mối quan hệ giữa cha, mẹ với con. Cháu Quàng Thị H là con gái trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, giao cháu Quàng TL cho anh Quàng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Quàng Thị H cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn K, chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị H và anh Quàng Văn K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do

đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng TL, sinh ngày 25/8/2012 cho anh Quàng Văn K và giao cháu Quàng Thị H, sinh ngày 21/02/2017 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn K, chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh K xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Quàng Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã ME, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Văn Thịnh**